TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày 17-01-2022
V/v tranh chấp: Hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1963 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp 19/5, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: 1/ Bà Nguyễn Kim B, sinh năm 1976 (vắng mặt).
2/ Ông Diệp Văn U (Diệp Văn Nhã), sinh năm 1979 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/01/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà làm chủ hụi nhiều năm ở địa phương bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) có tham gia 11 dây hụi do bà làm chủ. Cụ thể:

1- Ngày 16/7/2017 âl, bà có mở 02 dây hụi loại 5.000.000 đồng (dây A17 chưng, dây B17 chưng), 04 tháng khui 01 kỳ, bà B và ông U tham gia 02 chưng, 02 dây, đóng được 03 kỳ, đến kỳ thứ 04 thì hốt hết 02 chưng, của 02 dây. Bà B và ông U còn nợ 10 kỳ của 02 chưng trong 02 dây đến nay không đóng, hụi này đến nay chưa mãn, số tiền 10 kỳ x 02 chưng x 5.000.000 đồng = 100.000.000 đồng

2- Ngày 01/10/2019âl, có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, hụi có 38 chưng, một tháng khui 01 lần, bà B và ông U tham gia 03 chưng, ông U và bà B hốt hết 03 chưng, đóng được 02 kỳ, còn lại 33 kỳ của 03 chưng hụi chết đến nay không đóng, 33 kỳ x 03 chưng =198.000.000 đồng, hụi này đến nay chưa mãn.

3- Ngày 12/8/2017âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 38 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 03 chưng, lần lượt hốt hết 03 chưng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 10/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi mãn vào ngày 12/9/2020. Ông U, bà B còn nợ lại 11 kỳ, số tiền 66.000.000 đồng.

4- Ngày 16/5/2017âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 38 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 02 chưng, lần lượt hốt hết 02 chưng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 10/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi này đã mãn. Ông U, bà B còn nợ lại 7 kỳ, số tiền 28.000.000 đồng.

5- Ngày 19/3/2017âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 38 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 02 chưng, lần lượt hốt hết 02 chưng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 10/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi mãn vào ngày 19/3/2020. Ông U, bà B còn nợ lại 03 kỳ, số tiền 12.000.000 đồng.

6- Ngày 22/6/2017âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 32 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 02 chưng, lần lượt hốt hết 02 chưng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 10/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi mãn vào ngày 22/01/2020. Ông U, bà B còn nợ lại 05 kỳ, số tiền 20.000.000 đồng.

7- Ngày 24/10/2017âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 38 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 01 chưng, hốt 60.680.000 đồng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 10/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi mãn vào ngày 24/11/2020. Ông U, bà B còn nợ lại 15 kỳ, số tiền 30.000.000 đồng.

8- Ngày 06/3/2017âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 38 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 01 chưng, hốt được 54.500.000 đồng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 08/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi mãn vào ngày 06/4/2021. Ông U, bà B còn nợ lại 19 kỳ, số tiền 38.000.000 đồng.

9- Ngày 08/7/2018âl, tôi có mỏ dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 40 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 01 chưng, hốt được 55.900.000 đồng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 08/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi mãn vào ngày 08/10/2021. Ông U, bà B còn nợ lại 25 kỳ, số tiền 50.000.000 đồng.

10- Ngày 15/01/2018âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 38 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 02 chưng, lần lượt hốt hết 02 chưng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 08/2019 thì ngưng đóng đến nay,

hụi mãn vào ngày 15/02/2021. Ông U, bà B còn nợ lại 17 kỳ, số tiền 68.000.000 đồng.

11- Ngày 28/02/2019âl, tôi có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, gồm 36 chưng, 01 tháng khui 01 lần, ông U và bà B tham gia 01 chưng, hốt được 46.230.000 đồng, ông U và bà B đóng hụi chết đến tháng 08/2019 thì ngưng đóng đến nay, hụi mãn vào ngày 28/01/2022. Ông U, bà B còn nợ lại 29 kỳ, số tiền 58.000.000 đồng.

Tổng cộng 12 dây hụi là 668.000.000 đồng. Có trả được 81.000.000 đồng, còn lại 587.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 13/01/2022, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà xác định yêu cầu bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) có trách nhiệm trả cho bà số tiền 289.000.000 đồng trong 09 dây hụi. Đối với 02 dây hụi mở ngày 16/7/2017âl, và dây hụi mở ngày 01/10/2019âl, bà xác định hiện nay hụi chưa mãn nên bà với bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tiếp theo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa bà Lê Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hụi mở ngày 16/7/2017âl, và dây hụi mở ngày 01/10/2019âl, bà xác định hiện nay hụi chưa mãn nên bà với bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tiếp theo. Bà chỉ yêu cầu bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi 289.000.000 đồng trong (15 chưng hụi của 09 dây hụi).

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định. Về nội dung: Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 587.000.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với 02 dây hụi mở ngày 16/7/2017âl, và dây hụi mở ngày 01/10/2019âl, bà xác định hiện nay hụi chưa mãn nên bà với bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tiếp theo. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 244 BLTTDS chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 289.000.000 đồng thấy rằng: Nguyên đơn có cung cấp biên nhận xác định việc chốt hụi vào ngày 11/12/2019âl, số tiền 370.000.000 đồng, sau đó bị đơn có gửi trả 02 lần, số tiền 81.000.000 đồng, còn lại 289.000.000 đồng là có cơ sở. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 3262016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 289.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) có nơi cư trú tại ấp Cái Bát, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng góp hụi thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) nhưng bà B và ông U đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà B và ông U theo quy định. Bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U là tranh chấp về hợp đồng góp hụi. Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) trả khoản tiền hụi theo các biên nhận hốt hụi thể hiện từ năm 2017âl, đến năm 2019 âl, mà bà B và ông Nhã còn nợ hụi chết chưa đóng. Như vậy tranh chấp được xác định là tranh chấp về hợp đồng góp hụi quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo nguyên đơn trình bày, vào khoảng năm 2017 đến năm 2019âl, bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) có tham gia nhiều dây hụi do bà làm chủ. Tổng cộng 12 dây hụi, tham gia 20 chưng, mỗi lần tham gia hụi đều có danh sách hụi viên và khi hốt hụi đều có làm biên nhận. Đến khoảng 10/2019 âl, bà B và ông U (Nhã) đã ngưng không đóng hụi. Sau đó có gửi

đóng hụi cho bà được 02 lần, số tiền 81.000.000 đồng, số tiền nợ hụi chết còn lại đến nay không đóng cho bà.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B và ông U (Nhã) trả cho bà số tiền nợ hụi chết 289.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án các danh sách hụi viên của 12 dây hụi nêu trên và giấy giao nhận hốt hụi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh bà B và ông U (Út) đã bỏ địa phương đi khi biết bà H khởi kiện về việc hợp đồng vay tài sản, cùng là bị đơn trong vụ kiện. Quá trình giải quyết, Tòa án có tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) tại biên nhận nợ ngày 11/3/2019 âl, trên các biên nhận nợ và các tài liệu nguyên đơn cung cấp trong đó có biên nhận nợ hốt hụi vào ngày 11/12/2019 (bl: 07) thể hiện chữ ký, chữ viết của bà B, ông U (Nhã). Kết luận giám định số 23/GĐ-PC09 ngày 16/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận là của bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn Nhã (Út) viết ra.

Xét, các bên giao dịch hụi giữa bà H với bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) là thực tế có xảy ra. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng qua xác minh các lời khai của người làm chứng như bà Lê Hòa Bình, bà Huỳnh Cẩm Diễn, ông Nguyễn Thành Ban, bà Trần Thị Nguyệt và bà Lý Hồng Nhung có biết bà B và ông U tham gia chơi hụi do bà H làm chủ. Căn cứ vào các biên nhận đã hốt hụi và kết luận giám định nên đây được xem là chứng cứ làm căn cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 khoản 5 Điều 94 và khoản 5 khoản 6 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4, khoản 5 Điều 94 và khoản 5 khoản 6 Điều 95, Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như kết luận giám định ngày 16/01/2021 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với 02 dây hụi mở cùng ngày 16/7/2017âl, và dây hụi mở ngày 01/10/2019âl, bà H xác định hiện nay hụi chưa mãn nên bà với bị đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tiếp theo. Nếu không thỏa thuận được thì bà có quyền khởi kiện yêu cầu bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí sơ thẩm đã dự nộp được nhận lại. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 5 Điều 94, khoản 6 Điều 95, Điều 102, Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 196, Điều 205, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) trả cho bà Lê Thị H số tiền 289.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) không thi hành xong khoản tiền trên, bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Kim B và ông Diệp Văn U (Nhã) phải nộp số tiền 14.450.000 đồng (*Mười bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); Bà Lê Thị H được nhận lại số tiền 6.870.000 đồng theo biên lai thu số 0004624 ngày 08/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công